

Số: **78/2021/QĐST/HNGĐ**

Mê Linh, ngày 19 tháng 4 năm 2021.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 91/2021/TLST-HNGĐ ngày 07/4/2021, giữa:

- **Nguyên đơn: Chị Lê Thị Phương L**, sinh năm 1980.

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: Khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đ

- **Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc L**, sinh năm 1975.

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: Đội 8, Thôn 2, T, huyện M, thành phố H;

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 121, quyển số 01, ngày 23/12/2005, tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh B.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2021 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về hôn nhân và gia đình.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09/4/2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. **Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị Lê Thị Phương L và anh Nguyễn Ngọc L1.

2. **Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- **Về con chung:** Vợ chồng có 02 con chung là: Nguyễn Ngọc Phương V, sinh ngày 14/10/2006 và Nguyễn Ngọc Phương U, sinh ngày 16/8/2009.

Giao cháu Nguyễn Ngọc Phương V, sinh ngày 14/10/2006 và Nguyễn Ngọc Phương U, sinh ngày 16/8/2009 cho chị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên, đủ 18 tuổi; anh L1 tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu V và cháu U cùng chị L mỗi tháng 2.000.000 đồng/2 cháu (mỗi tháng 1.000.000 đồng/1 cháu). Hình thức đóng góp mỗi tháng 1 lần; thời gian đóng góp kể từ tháng 5 năm 2021 cho đến khi các cháu thành niên, đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn anh L1 có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung; tài sản riêng; công sức; công nợ:** Không có, không xem xét.

- **Về án phí:** Chị L tự nguyện nộp toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) và nộp thay anh L1 tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Xác nhận chị L đã nộp đủ 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0020048 ngày 07/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mê Linh.

3. **Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

Nơi nhận:

- VKSND Mê Linh.
- Chi cục THADS Mê Linh.
- CQ đã thực hiện việc ĐKKH
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ; VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Định